

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Anh T, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp LT, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh P, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp T, xã TTT (nay là khóm T1, thị trấn TTT), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Số 56, ấp LĐ 1, xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (nay là số 56, khu phố LĐ 1, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai); Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951.

Địa chỉ: khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3.2. Ông Bùi Nhật Th, sinh năm 1949.

Địa chỉ: ấp LT, xã LK B, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Bùi Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P cưới nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới hai vợ chồng sống bên nhà anh P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 sau khi chị sinh con về nhà cha mẹ ruột ở thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh P không chăm lo cho vợ con, có chơi bài bạc, cá độ bóng đá. Hai gia đình người lớn có gặp nhau nói chuyện hàn gắn tình cảm cho anh chị, anh P hứa sửa đổi nên chị về nhà anh P sống để vợ chồng đoàn tụ. Đến năm 2016, chị và anh P dọn ra ngoài thuê nhà ở riêng, đầu năm 2017 thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh P không sửa đổi vẫn chơi bài bạc, cá độ bóng đá, không chăm lo vợ con, chị có khuyên anh P nhiều lần nhưng không được nên vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Anh P hiện nay đã bỏ địa phương, vợ chồng không gặp nhau hàn gắn. Nay tình cảm không còn, chung sống không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về việc nuôi con: Có 01 con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014, hiện nay đang sống chung với chị, chị làm việc tại Phòng tổ chức hành chính Trung tâm y tế huyện Hồng Ngự, lương hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị T còn có tiệm buôn bán thuốc tây thu nhập khoảng 500.000đồng/ngày, thu nhập của chị ổn định đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo quyền lợi về mặt của con, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Thanh P trình bày: Anh không có ý kiến gì về việc Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự đang thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh và chị Bùi Anh T. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự giải quyết theo quy định pháp luật. Anh và chị T đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã TTT (nay là thị trấn TTT), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau có đôi lúc không hòa hợp, nhưng hiện tại anh xác định tình cảm vẫn còn, không muốn gia đình đổ vỡ nên không đồng ý ly hôn, anh P mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện nay, anh P đang sinh sống và làm việc tại thành phố BH, tỉnh Đồng Nai, nhưng anh vẫn làm tròn trách nhiệm của người cha đối với con, vẫn gửi tiền về phụ cấp nuôi con.

Về việc nuôi con: Có một con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014, hiện nay đang sống chung với chị T, do anh P không đồng ý ly hôn nên không trình bày ý kiến về vấn đề con chung.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Bùi Nhật Th trình bày: Ông là cha ruột của chị Bùi Anh T, ông không có mâu thuẫn gì với chị T và anh P. Vào năm 2011, chị T và anh P cưới nhau, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới thì vợ chồng chị T, anh P về bên nhà anh P sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khi chị Tú sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do P chơi bài bạc không chăm lo cho vợ con. Sau khi sinh con, chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, cha mẹ của anh P có xuống nhà ông nói chuyện hàn gắn cho vợ chồng T, P, chị T đồng ý về nhà để đoàn tụ nhưng anh P vẫn không sửa đổi nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2018. Chị T, anh P đã ly thân hơn một năm nay, anh P hiện nay không còn ở địa phương, cũng không liên lạc hay về hàn gắn tình cảm với chị T, nên chị T yêu cầu ly hôn. Trước đây ông có động viên chị T, anh P đoàn tụ nhưng anh P vẫn không sửa đổi tính tình nên tùy vào chị T quyết định.

Về việc nuôi con: T, P có một con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014, hiện nay đang sống chung với chị T. Chị T đang làm việc tại Trung tâm y tế huyện HN, thu nhập ổn định, ngoài ra T còn có tiệm buôn bán thuốc tây có thu nhập thêm đủ điều kiện để nuôi con. Theo ông biết thì con chung giao cho chị T nuôi dưỡng thì cháu được chăm sóc đầy đủ hơn.

Về tài sản của chị T, anh P thì ông không biết. Trước đây chị T, anh P có thiếu tiền người khác, ông có đứng ra trả nợ, nhưng ông không có yêu cầu chị T, anh P trả lại. Hiện nay chị T, anh P có nợ ai không thì ông không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là mẹ ruột anh P, bà không có mâu thuẫn gì với chị T, anh P. Vợ chồng anh P, chị T sau khi cưới về sống chung với gia đình bà, một thời gian sau thì ra riêng thuê nhà ở, vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 02 năm nay thì vợ chồng T, P mâu thuẫn do anh P ham chơi, không chăm lo vợ con nên T yêu cầu ly hôn và không còn sống chung. Hai bên gia đình không có gặp nhau để hàn gắn. Hiện nay anh P không còn ở địa phương, nghe nói đã lên Đồng Nai làm việc, bà không rõ tin tức, địa chỉ chính xác của anh P. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P thì tùy quyền của con. Vợ chồng chị T, anh P có một con chung tên Lê Tấn L, sinh năm 2014, từ nhỏ đến nay cháu L sống chung với chị T. Theo bà biết thì chị T có điều kiện và chăm sóc cháu L tốt hơn anh P. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh P, chị T thì bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Anh T với anh Lê Thanh P. Về việc nuôi con: Giao cháu Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Anh Lê Thanh P là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu hoãn tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà ông Bùi Nhật T, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Anh T và anh Lê Thanh P là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thường Thới Tiền (nay là thị trấn Thường Thới Tiền) phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Anh T là có căn cứ, vì: Chị T, anh P đã ly thân hơn một năm nay, không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Bà H là mẹ ruột anh P, ông Th là cha ruột chị T đều trình bày là chị T, anh P có mâu thuẫn tình cảm và đã không còn sống chung do anh P chơi bài bạc, cá độ bóng đá không chăm lo cho vợ con, người lớn có gặp nhau hàn gắn cho chị T, anh P đoàn tụ nhưng anh P không sửa đổi. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị T và anh P đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, việc anh P trình bày không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ là chưa phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh P không đến phiên tòa, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm, đoàn tụ. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Anh T đối với anh Lê Thanh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] **Về việc nuôi con:** Có một con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014, hiện nay đang sống chung với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy từ **trước đến nay cháu L đều sống chung với chị T, cháu L còn nhỏ rất cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ trong việc ăn uống, sinh hoạt.** Hiện nay, chị T làm việc tại Phòng tổ chức hành chính Trung tâm y tế huyện HN, thu nhập khoảng 5.000.000đồng/tháng, ngoài ra chị T còn có tiệm buôn bán thuốc tây có thu nhập thêm đủ điều kiện để nuôi con và đảm bảo quyền lợi về mặt của con. Do đó, Hội

đồng xét xử xét thấy nên giao cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đã được Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con nhưng tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền thăm nom con chung: Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[9] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Bùi Anh T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004224 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Bị đơn anh Lê Thanh P không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Anh T. Cho chị Bùi Anh T ly hôn với anh Lê Thanh P.

2. Về việc nuôi con: Giao con chung tên Lê Tấn L, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Bùi Anh T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu

đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Anh T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số **0004224 ngày 27/02/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30 tháng 9 năm 2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thị Trang